



Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

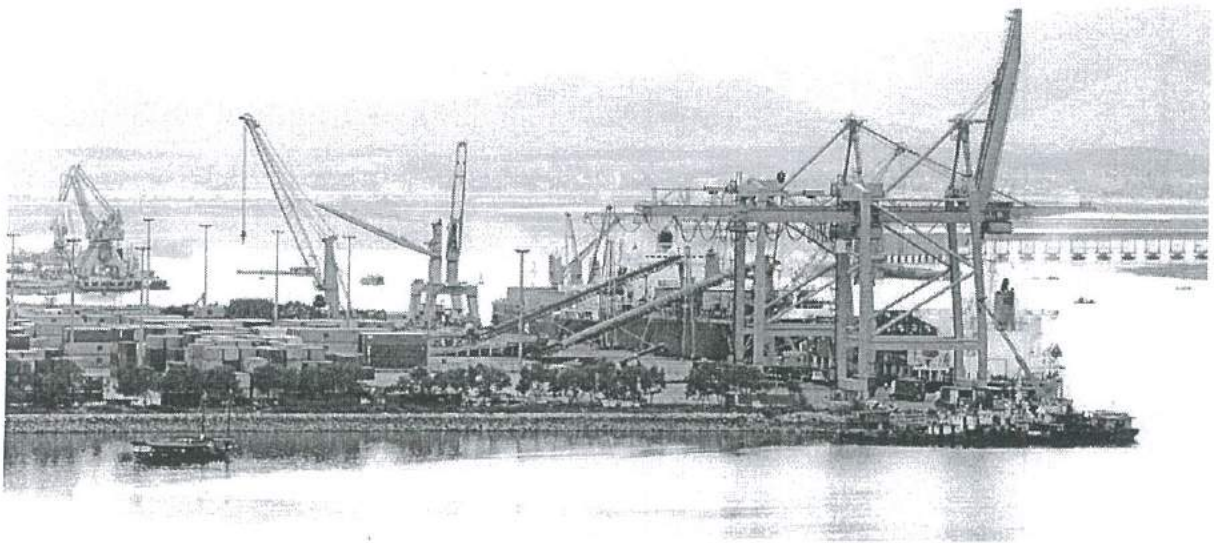
Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Số điện thoại: (84-02033) 825624

Số fax: (84-02033) 826118

Website: <http://quangninhport.com.vn>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017



Quảng Ninh, tháng 04 năm 2018

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CTCP CẢNG QUẢNG NINH

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22 tháng 08 năm 2014
- Vốn điều lệ: 500.499.360.000 đồng (*Năm trăm tỉ bốn trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng*)
- Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại: (84-02033) 825624
- Số fax: (84-02033) 826118
- Website: <http://quangninhport.com.vn>
- Mã cổ phiếu: CQN

2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 29/08/1977, Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 2226 QĐ/TC thành lập Cảng Quảng Ninh và chuyển Ty Cảng vụ, Hoa tiêu Hồng Gai - Cẩm Phả trực thuộc Cục đường biển về Cảng Quảng Ninh quản lý. Trước đòi hỏi phải có sự chuyển đổi phù hợp về tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý của ngành Hàng hải, ngày 06/4/1991, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định tách bộ phận Cảng vụ thuộc Cảng Quảng Ninh ra thành lập Cảng vụ Quảng Ninh với nhiệm vụ quản lý nhà nước về chuyên ngành Hàng hải. Tiếp theo đó ngày 30/9/1991, Liên hiệp Hàng hải Việt Nam cũng có Quyết định tách bộ phận Hoa tiêu ra khỏi Cảng Quảng Ninh để thành lập Công ty Hoa tiêu khu vực III. Ngày 30/8/2007, Cảng Quảng Ninh được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 2681/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện theo Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh đã tiến hành cổ phần hóa chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Từ khi cổ phần hóa tới nay Công ty chưa tiến hành tăng vốn. Ngày 22/8/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 22 tháng 08 năm 2014 đến nay.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh theo công văn số 2689/TTg-ĐMDN ngày 31/12/2014; Công văn số 20/TTg-ĐMDN ngày 9/3/2015 và của Bộ trưởng Bộ GTVT tại công văn số 104/BGTVT-QLDN ngày 23/3/2015 và Quyết định số 1047/QĐ-BGTVT ngày 27/3/2015, ngày 23/4/2015, Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn Nhà nước sở hữu tại

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh cho Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (98,02% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

✦ *Ngành nghề kinh doanh*

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22 tháng 08 năm 2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|--------------|
| 1. | Bốc xếp hàng hóa <i>Chi tiết:</i> - Xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; - Chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng <i>(Không bao gồm ngành: bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, mã ngành 52245);</i> | 5224 (Chính) |
| 2. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; | 2592 |
| 3. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; | 4659 |
| 4. | Sửa chữa máy móc thiết bị | 3312 |
| 5. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 4620 |
| 6. | Bán buôn gạo | 4631 |
| 7. | Bán buôn thực phẩm | 4632 |
| 8. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 |
| 9. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 4662 |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 11. | Bán buôn tổng hợp | 4690 |
| 12. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên kinh doanh; <i>Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu</i> | 4730 |
| 13. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi (Trừ kinh doanh bất động sản)</i> | 5210 |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại trừ: Bán buôn thuốc trừ sâu, sang chai, đóng gói và các hóa chất khác theo danh | 4669 |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| | mục nhà nước cấm) | |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa | 5021 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; <i>Chi tiết: Dịch vụ Hàng hải</i> | 5222 |
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 5610 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; <i>Chi tiết:</i> - <i>Giao nhận hàng hóa</i> - <i>Kinh doanh dịch vụ Logistic</i> <i>(không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không)</i> | 5229 |
| 21. | Đại lý du lịch | 7911 |
| 22. | Điều hành tua du lịch | 7912 |
| 23. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | 7920 |

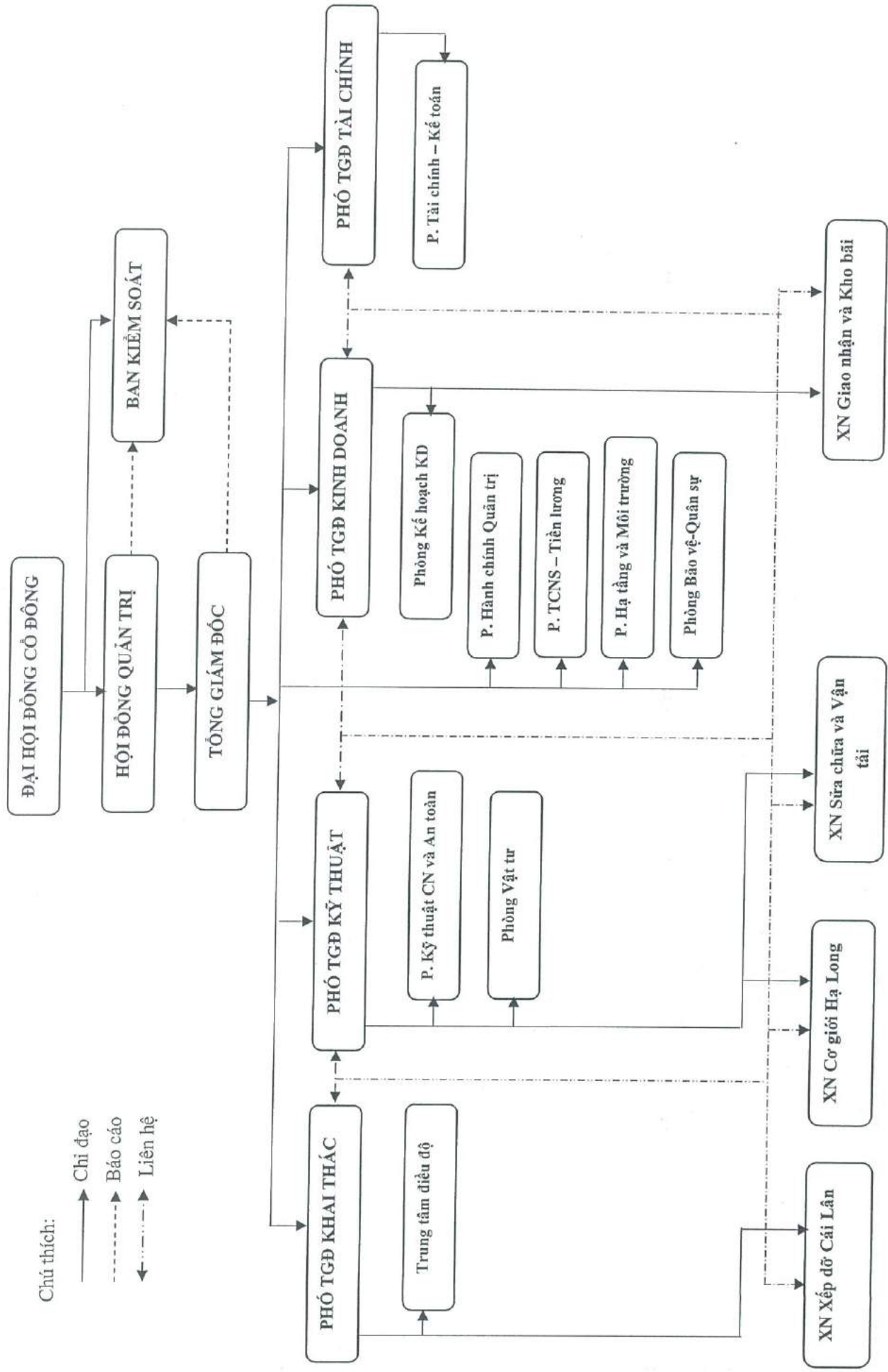
✦ **Hoạt động chính của công ty**

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa,
- Dịch vụ kho bãi,
- Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa,
- Dịch vụ xuất nhập khẩu,
- Vận tải hàng hóa đa phương thức,
- Dịch vụ hàng hải.

✦ **Địa bàn kinh doanh: Quảng Ninh**

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

✦ **Mô hình quản lý công ty**



4 Các công ty con, công ty liên kết:**- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty****❖ Công ty cổ phần Tập đoàn T&T**

- Trụ sở chính : Số 18 Phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Vốn điều lệ : 5.000.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu tại Cảng Quảng Ninh : 98,33% vốn điều lệ

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Không có.

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

Từ năm 2009 – 2013, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh đã đầu tư góp vốn vào bốn (04) công ty cùng ngành là các công ty cổ phần thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và một (01) công ty ngoài ngành cụ thể như sau:

- Góp vốn vào Công ty cổ phần Vinalines Logistics: 1.000.000.000 đồng- chiếm 0,71%

- Góp vốn vào Công ty CP Vinalines Đông Bắc: 2.207.213.772 đồng – chiếm 23,53%

- Góp vốn vào công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân. Năm 2007 công ty bắt đầu đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (CPI) theo quyết định số 587/QĐ-CQN ngày 25/10/2007 của Giám đốc Cảng Quảng Ninh. Tại thời điểm 31/12/2017 vốn góp đầu tư vào CPI là 30.627.790.000 đồng, trong đó vốn góp của CBCNV Cảng là 6.077.190.000 đồng, vốn đầu tư trực tiếp của Cảng là 24.550.600.000 đồng – chiếm 8,39%.

- Góp vốn vào Ngân hàng TMCP Hàng hải với vốn góp: 1.015.739.351 đồng – chiếm 0,01%

- Góp vốn vào Công ty Vietracimex để thực hiện dự án khách sạn Ngôi Sao Hạ Long (văn phòng cũ) số 6 Lê Thánh Tông thành phố Hạ Long với vốn góp 8.059.638.000 đồng - chiếm 13,43%.

- Năm 2016, Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh góp vốn vào Tổng công ty Rau quả Nông sản – Công ty CP với giá trị vốn góp 156.918.438.000 đồng - chiếm 12,23%.

5. Định hướng phát triển

Nằm ở trung tâm Vịnh Bắc Bộ, Cảng Quảng Ninh được xem là cửa ngõ ra biển Đông của khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, các nước có biên giới giáp phía Tây Bắc nước ta. Cảng Quảng Ninh còn có lợi thế nằm gần Trung Quốc – một đối tác lớn trong hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu.

Trong nhiều năm liền, Cảng Quảng Ninh luôn là một trong những cảng dẫn đầu cả nước về sản lượng hàng hóa thông qua, xác lập và giữ vai trò là cảng quan trọng của hoạt động giao thương phía Bắc, là cửa ngõ giao thông lớn của đất nước.

Trong hệ thống cảng biển Việt Nam, Cảng Quảng Ninh được đánh giá là một trong những cảng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Bên cạnh đó, Cảng Quảng Ninh còn được khách hàng tín nhiệm bởi cách thức làm việc linh hoạt, trách nhiệm và chuyên nghiệp. Từ nhiều năm qua Cảng luôn được các chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến với

năng suất, chất lượng cao, giải phóng tàu nhanh. Đó cũng chính là những yếu tố giúp Cảng nâng cao được khả năng cạnh tranh trên thị trường, khẳng định thương hiệu và giữ vững tốc độ tăng trưởng hàng năm.

Với định hướng phát triển của cảng biển như nêu trên, đặc biệt là kế hoạch phát triển hệ thống cảng biển đảm bảo lưu thông hàng hóa đến năm 2020 rất phù hợp với ngành nghề kinh doanh của công ty, tạo cơ hội lớn cho sự phát triển sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm tới.

a) Trong hoạt động kinh doanh

- Lấy ngành hàng TĂCN làm trọng tâm trong hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa các dịch vụ nhằm tăng doanh thu và hiệu quả của hoạt động kinh doanh.

- Định hướng là Cảng tổng hợp, ngoài mặt hàng TĂCN, đẩy mạnh khai thác thêm các ngành hàng truyền thống (sắt vụn, dăm gỗ, ...) và các mặt hàng mới có tỉ suất lợi nhuận cao nhằm khai thác tối đa các vị trí cầu bến hiện nay.

- Đã và đang đẩy mạnh ký kết các hợp đồng thương phạt các mặt hàng nhằm tăng hiệu quả kinh doanh đồng thời là yếu tố tăng năng suất giải phóng tàu nhằm giảm ngày tàu chờ cầu, giảm chi phí giá thành.

- Chú trọng phát triển mối quan hệ với các khách hàng chiến lược: Các nhà cung cấp, các hãng tàu, đại lý hàng hải...đẩy mạnh công tác marketing và chăm sóc khách hàng nhằm thu hút tàu cũng như mặt hàng mới về Cảng.

- Xây dựng biểu cước dịch vụ Cảng theo quy chuẩn quốc tế, đảm bảo giá các dịch vụ có hiệu quả nhưng có tính cạnh tranh. Đồng thời, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng đối tượng khách hàng trên cơ sở đánh giá phân tích hệ thống khách hàng của Cảng trong các năm qua.

- Tổ chức bộ máy kinh doanh chuyên nghiệp, chuẩn hóa các quy trình bán hàng, quy trình chăm sóc khách hàng, đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên kinh doanh đáp ứng yêu cầu trong các hoạt động bán hàng.

- Lấy chỉ tiêu kinh doanh làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, đánh giá năng lực nhằm điều chỉnh kịp thời nhân sự kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

b) Trong hoạt động sản xuất

- Cơ cấu lại hoạt động sản xuất, rà soát đánh giá lại toàn bộ máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà kho, bãi...; sử dụng những máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà xưởng phù hợp với tình hình thực tế nhằm giảm khấu hao, giảm chi phí trong sản xuất.

- Lập kế hoạch sản xuất phù hợp với năng lực cầu bến, thiết bị, con người nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tỉ lệ hao hụt, kiểm soát tốt định mức tiêu hao nhiên liệu, công cụ dụng cụ.

- Khai thác tối đa năng lực cầu bến, tránh để thời gian cầu trống, đồng thời liên kết với đối tác khai thác tại bến 2/3/4 và tổ chức sản xuất tại các điểm neo.

- Nâng cao vai trò trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ tại các đơn vị trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tác nghiệp. Gắn trách nhiệm của cá nhân, đơn vị với chất lượng dịch vụ.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các quy trình, công đoạn sản xuất theo quy định đã ban hành.
- Xây dựng lại định mức năng suất lao động, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, CCDC phù hợp với thực tế sản xuất và chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Tập trung đầu tư vào trang thiết bị còn thiếu, năng suất thấp, hoặc đã cũ của tuyến tiền phương, hậu phương nhằm đạt mục tiêu sản xuất đã đề ra.
- Khai thác tối đa hệ thống nhà kho, hệ thống bãi.

c) Trong quản lý điều hành

- Cơ cấu lại bộ máy tổ chức, định biên nhân sự phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng gọn nhẹ, bố trí nhân sự các phòng ban phù hợp với năng lực chuyên môn nhằm tăng hiệu quả, tiết giảm chi phí quản lý cho Công ty.
- Rà soát toàn bộ các chi phí trong hoạt động hàng ngày, cắt giảm và loại bỏ những chi phí không cần thiết, đồng thời giảm tối đa chi phí quản lý doanh nghiệp như: văn phòng phẩm, điện nước, giao tế... nhằm giảm chi phí hoạt động cho Công ty.
- Cơ chế giao việc gắn với trách nhiệm của nhân sự, có khối lượng, đầu việc và thời gian cụ thể. Đánh giá hiệu quả làm việc trên cơ sở kết quả cụ thể và mức độ hoàn thành.
- Các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày phải chuẩn hóa theo các quy trình quy chế, tạo sự thống nhất trong quản lý điều hành. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp giữa các đơn vị trong công ty.
- Tổ chức định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm họp giao ban đánh giá kết quả công việc từng phòng ban đơn vị, nhằm kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để chỉ đạo giải quyết.

6. Các nhân tố rủi ro

❖ Rủi ro về kinh tế:

- Hạ tầng xung quanh khu vực Cảng chưa được cải thiện, hệ thống đường từ KCN Cái Lân vào Cảng đã xuống cấp chưa được đầu tư, đặc biệt là không có bãi đỗ xe ngoài cổng Cảng, không đáp ứng đủ nhu cầu gây ra tình trạng ách tắc tại khu vực đường vào cảng.
- Hệ thống giao thông kết nối với các khu kinh tế, các tỉnh lân cận vẫn đang trong quá trình nâng cấp làm hạn chế tốc độ lưu thông dẫn đến phát sinh chi phí cho doanh nghiệp vận tải.
- Hệ thống luồng lạch, vùng quay trở tàu bị sa bồi và chưa được đầu tư kịp thời dẫn đến hạn chế tàu có trọng tải lớn vào Cảng.
- Các khu công nghiệp tại tỉnh Quảng Ninh đã hình thành nhưng nguồn hàng, lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua cảng rất thấp.
- Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xếp dỡ, các cảng với nhau ngày càng khốc liệt, đặc biệt là giá xếp dỡ ngày càng giảm sâu. Vấn đề này đã thực sự gây khó khăn nhất định cho Cảng.
- Việc siết tải trọng xe đường bộ dẫn đến vận chuyển bằng đường bộ giảm so với trước đây, ngược lại tăng vận chuyển bằng đường thủy (sà lan), do đó có thời điểm xảy ra tình trạng thiếu cầu bến tiếp nhận sà lan.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước, chính quyền Tỉnh chưa đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại kết nối các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó có cảng biển, những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp tại địa bàn chưa được tháo gỡ kịp thời.

- Đội ngũ cán bộ, công nhân viên chưa chủ động thay đổi theo mô hình quản trị mới, vẫn còn tư tưởng cơ chế doanh nghiệp Nhà nước nên công việc triển khai còn thụ động và chậm tiến độ.

- Hệ thống quy trình, quy định chưa được chuẩn hóa và đầy đủ, một số quy trình xây dựng mới không được ban hành kịp thời để giải quyết các phát sinh trong thực tế.

- Trang thiết bị, CCDC được đầu tư đã lâu, hoạt động liên tục nên bị hỏng hóc thường xuyên, đội ngũ kỹ thuật chưa khắc phục kịp thời dẫn đến giảm năng suất lao động, ảnh hưởng đến khả năng giải phóng tàu và tiếp nhận của cầu bến.

❖ **Rủi ro về luật pháp:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật đấu thầu, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Do hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn. Các rủi ro có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó rủi ro pháp lý phát sinh từ việc tuân thủ pháp luật, thay đổi pháp luật, áp dụng pháp luật của công ty và các mâu thuẫn giữa pháp luật trong nước và cam kết quốc tế là một trong những rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm của công ty.

Các rủi ro pháp lý này ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của công ty, đặc biệt trong bối cảnh những biến động phức tạp về tình hình kinh tế Việt Nam và trên thế giới hiện nay. Vì vậy, nhận diện các rủi ro pháp lý sẽ giúp công ty chủ động trong việc phòng chống, quản trị được những rủi ro hữu hiệu nhất.

❖ **Rủi ro đặc thù**

Bên cạnh những rủi ro về kinh tế, rủi ro luật pháp, chính sách ảnh hưởng đến doanh nghiệp, rủi ro đặc thù ngành kinh doanh là ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc giá nhiên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, các loại phí bảo hiểm, thuế và phí tăng cao cùng việc hạ tầng giao thông đô thị xuống cấp làm cho tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp cảng biển, vận tải gặp nhiều khó khăn. Sự thay đổi liên tục chính sách về thuế đối với các phương tiện vận tải cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc kinh doanh khai thác cảng. Các yếu tố thị trường như giá, nhu cầu hàng hóa, hạn ngạch xuất nhập khẩu... ảnh hưởng đến các khách hàng của Cảng Quảng Ninh cũng sẽ kéo theo sự sụt giảm hoặc gia tăng sản lượng hàng hóa làm hàng tại Cảng.

Ngoài ra, điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Quảng Ninh. Sản lượng và hiệu quả của Cảng phụ thuộc vào mùa mưa bão, lũ lụt, thiên tai...gây thiệt hại về đường xá; gây khó khăn cho phương tiện thủy, bộ trong việc vận hành kinh doanh.

❖ **Rủi ro khác:**

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà Công ty cho phù hợp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện năm 2017 | Thực hiện năm 2016 | So sánh (%) thực hiện 2017 với | |
|------------|---------------------------------------|----------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------------------------|---------|
| | | | | | | KH 2017 | TH 2016 |
| I | Chỉ tiêu SXKD | | | | | | |
| 1 | Sản lượng thông qua | Tấn TQ | 7.250.000 | 7.289.401 | 7.319.278 | 100,54 | 99,59 |
| 2 | Sản lượng xếp dỡ | Tấn XD | 7.285.000 | 7.276.169 | 7.334.808 | 99,88 | 99,20 |
| 3 | Số tàu ra vào cảng | Lượt tàu | 321 | 324 | 394 | 100,93 | 82,23 |
| 4 | Doanh thu dịch vụ cảng biển | Tỷ đồng | 383 | 385,16 | 415,49 | 100,56 | 92,27 |
| 5 | Doanh thu dịch vụ kinh doanh nông sản | Tỷ đồng | - | 898,41 | - | - | - |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 87 | 88,52 | 70,84 | 101,75 | 124,96 |
| II | Chỉ tiêu tài chính | | | | | | |
| 1 | Tổng tài sản | Tỷ đồng | | 1.585,33 | 699,67 | | 226,58 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | | 579,71 | 554,46 | | 104,55 |
| 3 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | | 1.329,77 | 423,37 | | 313,79 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | | 71,08 | 56,45 | | 125,92 |
| III | Chỉ tiêu lao động | | | | | | |
| 1 | Số lượng lao động (bình quân) | người | 842 | 792 | 841 | 94,1 | 94,2 |
| 2 | Thu nhập BQ người lao động | Tr.đ | 10.470 | 10.466 | 10.235 | 99,9 | 102,3 |

2. Tổ chức và nhân sự**2.1. Danh sách Ban điều hành****Hội đồng quản trị****✦ Trước ngày 15/5/2017:**

| | |
|----------------------|-----------------|
| Ông Phạm Công Đoàn | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Bùi Quang Đạo | Thành viên HĐQT |
| Ông Đỗ Ngọc Khanh | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Quốc Hưng | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Văn Mạnh | Thành viên HĐQT |

✦ Từ ngày 15/5/2017 đến ngày 30/9/2017:

| | |
|---------------------|-----------------|
| Ông Đỗ Ngọc Khanh | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Phạm Công Đoàn | Thành viên HĐQT |
| Ông Bùi Quang Đạo | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Văn Mạnh | Thành viên HĐQT |
| Bà Nguyễn Thu Hằng | Thành viên HĐQT |

✦ Từ ngày 1/10/2017:

| | |
|---------------------|-----------------|
| Ông Đỗ Ngọc Khanh | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Phạm Công Đoàn | Thành viên HĐQT |
| Ông Bùi Quang Đạo | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Văn Mạnh | Thành viên HĐQT |

Ban Tổng giám đốc:**✦ Trước ngày 15/5/2017:**

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Bùi Quang Đạo | Tổng Giám đốc |
| Ông Quách Đình Phú | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Hoàng Trọng Tùng | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Đinh Anh Tuấn | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Quốc Hưng | Phó Tổng giám đốc |

✦ Từ ngày 15/5/2017:

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Bùi Quang Đạo | Tổng Giám đốc |
| Ông Quách Đình Phú | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Hoàng Trọng Tùng | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Đinh Anh Tuấn | Phó Tổng giám đốc |

Ban kiểm soát**✦ Trước ngày 18/4/2017**

| | |
|----------------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Trưởng Ban kiểm soát |
| Ông Phùng Xuân Dũng | Thành viên Ban kiểm soát |

Bà Phạm Thị Tâm

Thành viên Ban kiểm soát

✦ Ngày 18/4/2017 - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Trưởng Ban kiểm soát

Ông Phùng Xuân Dũng

Thành viên Ban kiểm soát

Ông Đỗ Quang Hưng

Thành viên Ban kiểm soát

✦ Từ ngày 2/1/2018

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Trưởng Ban kiểm soát

Ông Đỗ Quang Hưng

Thành viên Ban kiểm soát

Kế toán trưởng

✦ Trước ngày 2/3/2017:

Ông Lê Trung Dũng

Kế toán trưởng

✦ Từ ngày 2/3/2017 đến ngày 15/7/2017:

Ông Phạm Quang Trường

Phó trưởng phòng tài chính kế toán phụ trách kế toán

✦ Từ ngày 15/7/2017 đến ngày 31/8/2017:

Bà Phạm Thị Hoa

Phụ trách phòng tài chính kế toán

✦ Từ ngày 01/9/2017:

Ông Nguyễn Tư Thịnh

Trưởng phòng tài chính kế toán

2.2. Sơ yếu lý lịch

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng

| Thông tin cá nhân | Thông tin về cổ phần | Thông tin về lợi ích và các khoản nợ |
|--|---|---|
| Hội đồng quản trị | | |
| 1. Chủ tịch HĐQT: Đỗ Ngọc Khanh | | |
| - Số CMND: 111535338 cấp ngày 01/4/2011 tại CA Hà Nội - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 06/8/1983 - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: Xóm Ngánh, thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, Hà Nội - Trình độ văn hóa: 12/12 | - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần. - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần - Số cổ phần của người có liên | - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có |

| Thông tin cá nhân | Thông tin về cổ phần | Thông tin về lợi ích và các khoản nợ |
|--|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật (ĐH Luật Hà Nội) - Luật sư - Ngoại ngữ: Anh văn trình độ C. - Các chức vụ đã đảm nhiệm: + Giám đốc Ban Pháp chế; + Phó Chánh văn phòng phụ trách văn phòng HĐQT + Phó Chánh văn phòng phụ trách văn phòng HĐQT Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội + TV HĐQT Công ty CP Đầu tư và xây dựng Tam Sơn; + TV HĐQT Công ty CP Phát triển Bóng đá Hà Nội; + TV HĐQT Công ty CP Đầu tư QNK Quảng Nam; + Giám đốc Công ty TNHH Nông nghiệp T&T; + TV HĐQT Công ty phát triển bóng đá Sài Gòn; + Chủ tịch kiêm GD CLB Bóng bàn Hà Nội T&T | <p>quan: Không có</p> | <p>- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có</p> |
| <p>2. Thành viên HĐQT: Phạm Công Đoàn</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Số CMND: 037057000017 cấp ngày 20/3/2017 tại Cục CS.ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 08/02/1960 - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc : Kinh - Địa chỉ thường trú : Số 33 ngõ 75 Hồng Hà – Phúc Xá – Ba Đình – Hà Nội - Trình độ văn hóa: 10/10 - Trình độ chuyên môn: + Cử nhân kinh tế trường Đại học Kinh tế Quốc dân - Quá trình công tác: + Phó phòng kế toán công ty Than Hòn Gai. + Kế toán trưởng Công ty XNK và hợp tác quốc tế - TKV. + Phó giám đốc Công ty CP XNK thanh – TKV. + Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tập đoàn CN Than – KS Việt Nam. + Trưởng ban kiểm soát mỏ than Đèo Nại, trưởng ban kiểm soát mỏ than Hà Lâm, trưởng ban kiểm soát mỏ than Cao Sơn. + Ủy viên thường trực Hội đồng thành viên Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc – Vinacomin | <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần. - Số lượng cổ phần đại diện : 49.212.432 cổ phần (của Tập đoàn T&T) - Số cổ phần của người có liên quan : Không có | <ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có - Các khoản nợ đối với Công ty : Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có |

| Thông tin cá nhân | Thông tin về cổ phần | Thông tin về lợi ích và các khoản nợ |
|---|--|--|
| <p>+ Ủy viên thường trực HĐQT Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP</p> <p>+ Trợ lý chủ tịch HĐQT công ty cổ phần tập đoàn T&T</p> <p>+ Thành viên HĐQT Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội.</p> | | |
| 3. Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Bùi Quang Đạo | | |
| <p>- Số CMND: 100807003 cấp ngày 15/01/2013 tại CA tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>- Giới tính: Nam</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 29/07/1963</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh</p> <p>- Quê quán: Thăng Long, Kinh Môn, Hải Dương</p> <p>- Địa chỉ thường trú : Tổ 2, khu 4D, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh</p> <p>- Trình độ văn hóa: 12/12</p> <p>- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế công nghiệp.</p> <p>- Lý luận chính trị: Cao cấp</p> <p>- Ngoại ngữ: Bằng C tiếng Anh</p> <p>- Tin học: Trình độ A</p> <p>- Quá trình công tác</p> <p>+ Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Thương vụ Cảng Quảng Ninh;</p> <p>+ Phó Giám đốc Cảng Quảng Ninh;</p> <p>+ Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh.</p> | <p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 27.264 cổ phần.</p> <p>- Số lượng cổ phần đại diện: Không có</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan : Không có</p> | <p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:</p> <p>Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty: Tạm ứng của Công ty</p> <p>189.161.165 đồng</p> <p>- Lợi ích liên quan đối với Công ty:</p> <p>Không có</p> |
| 4. Thành viên HĐQT Nguyễn Văn Mạnh | | |
| <p>- Số CMND: 012909287 cấp ngày 12/04/2008 tại CA Hà Nội</p> <p>- Giới tính: Nam</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 20/03/1978</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh</p> <p>- Địa chỉ thường trú: P808 Nhà H - Đền Lù I - Hoàng Mai</p> <p>- Hà Nội- Trình độ văn hóa : 12/12</p> <p>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ĐH Kinh tế Quốc dân</p> | <p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.</p> <p>- Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan: Không có</p> | <p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty :</p> <p>Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty :</p> <p>Không có</p> <p>- Lợi ích liên</p> |

| Thông tin cá nhân | Thông tin về cổ phần | Thông tin về lợi ích và các khoản nợ |
|--|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Các chức vụ đã đảm nhiệm: + Trưởng phòng kinh doanh Tập đoàn T&T + Phó giám đốc Công ty T&T Motor + Phó phòng KHTV Công ty CP Cảng Quảng Ninh | | quan đối với Công ty : Không có |
| Ban Điều hành | | |
| 1. Tổng giám đốc Bùi Quang Đạo: như trên | | |
| 2. Phó Tổng giám đốc Hoàng Trọng Tùng | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Số CMND: 100052977 cấp ngày 17/11/2007 tại CA Quảng Ninh - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 16/9/1960 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh - Quê quán: Xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh - Địa chỉ thường trú : Tổ 1 Khu 8 phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển - Lý luận chính trị: Cao cấp - Ngoại ngữ: Tiếng Anh | <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 12.400 cổ phần. - Số cổ phần của người có liên quan: Không có | <ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có |
| 3. Phó Tổng giám đốc Đinh Anh Tuấn | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Số CMND: 100462878 cấp ngày 20/7/2012 tại CA Quảng Ninh - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 28/7/1966 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh - Quê quán: Yên Định, Thanh Hóa - Địa chỉ thường trú: Tổ 2 Khu 2, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD Kinh tế công nghiệp & Xây dựng - Lý luận chính trị: Cao cấp - Ngoại ngữ: Tiếng Anh (A) | <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 12.703 cổ phần. - Số cổ phần của người có liên quan : Không có | <ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty : Chưa ứng của Công ty 937.777.315 đồng - Lợi ích liên quan đối với Công ty: |

| Thông tin cá nhân | Thông tin về cổ phần | Thông tin về lợi ích và các khoản nợ |
|---|---|---|
| | | Không có |
| 4. Phó Tổng giám đốc Quách Đình Phú | | |
| <p>- Số CMND: 100848521 cấp ngày 30/9/2009 tại CA Quảng Ninh</p> <p>- Giới tính: Nam</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 14/1/1964</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh</p> <p>- Quê quán: Thái Phúc, Thái Thụy, Thái Bình</p> <p>- Địa chỉ thường trú : Tổ 2, khu 6, phường Yết kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh</p> <p>- Trình độ văn hóa: 12/12</p> <p>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển nghiệp.</p> <p>- Lý luận chính trị: Cao cấp</p> <p>- Ngoại ngữ: Bằng A tiếng Anh</p> <p>- Tin học : Văn phòng</p> <p>- Quá trình công tác:</p> <p>+ Phó Trưởng Khu xếp dỡ Hạ Long Cảng Quảng Ninh</p> <p>+ Trưởng khu bến 1 Cái Lân Cảng Quảng Ninh</p> <p>+ Trưởng Khu xếp dỡ Container Cảng Quảng Ninh</p> <p>+ Giám đốc Công ty xếp dỡ Container Cảng Quảng Ninh</p> <p>+ Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh.</p> | <p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 9.955 cổ phần.</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan: Không có</p> | <p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có</p> <p>- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có</p> |
| Kế toán trưởng/Trưởng phòng tài chính kế toán/Phụ trách kế toán | | |
| Trưởng phòng Tài chính kế toán Nguyễn Tư Thịnh | | |
| <p>- Số CMND : 100624183 cấp ngày 20/11/2012 tại CA Quảng Ninh- Giới tính: Nam</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 26/7/1974</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh</p> <p>- Địa chỉ liên hệ: Tổ 1B khu 1 phường Giếng Đáy, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>- Trình độ văn hóa: 12/12</p> | <p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan: Không có</p> | <p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với</p> |

| Thông tin cá nhân | Thông tin về cổ phần | Thông tin về lợi ích và các khoản nợ |
|--|----------------------|--------------------------------------|
| - Trình độ chuyên môn: Cử nhân - Quá trình công tác: + Kế toán tổng hợp Công ty xuất khẩu thủy sản 2 Quảng Ninh. + Phó phòng kế toán Công ty xuất khẩu thủy sản 2 Quảng Ninh. + Trưởng phòng nghiệp vụ kiểm toán BCTC Công ty CP kiểm toán Quảng Ninh. + Phó giám đốc Công ty TNHH kiểm toán và kế toán độc lập Việt Nam. + Kế toán trưởng Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân. | | Công ty: Không có |

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

✦ Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tổng số người lao động trong Công ty tại ngày 31/12/2017 là 775 CBCNV được cơ cấu như sau:

| Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỉ trọng (%) |
|--|------------------|--------------|
| I. Tổng số lao động | 775 | 100 |
| 1. Ban điều hành | 04 | 0,51 |
| 2. Đảng, công đoàn | 02 | 0,25 |
| 3. Lao động quản lý (từ cấp phó trưởng phòng và tương đương trở lên) | 29 | 3,74 |
| 4. Lao động chuyên môn, nghiệp vụ | 108 | 13,9 |
| 5. Lao động trực tiếp sản xuất | 492 | 63,5 |
| 6. Lao động thừa hành, phục vụ | 140 | 18,1 |
| II. Trình độ chuyên môn | 775 | 100 |
| 1. Trình độ trên đại học | 02 | 0,25 |
| 2. Trình độ đại học | 207 | 26,7 |
| 3. Trình độ cao đẳng, trung học chuyên nghiệp | 78 | 10,06 |
| 4. Trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật | 294 | 37,96 |
| 5. Chưa qua đào tạo, (LĐPT) | 194 | 25,03 |

✦ Chế độ làm việc

Nguồn nhân lực là nguồn tài nguyên sống duy nhất (con người) có thể sử dụng và kiểm soát các nguồn lực khác, có thể khai thác tốt nhất khả năng, năng suất và hiệu quả của chúng. Vì vậy, nếu khả năng và năng lực của người lao động được nâng cao và phát triển thì Công ty sẽ ngày càng phát triển lớn mạnh và bền vững hơn.

Quan điểm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực sau khi hoàn thành công tác tái cơ cấu của Công ty là: Tuyển dụng và bổ nhiệm đúng năng lực, đúng vị trí; trả công xứng đáng với năng lực làm việc và thành tích đóng góp.

Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động lập kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa. Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực. Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động, xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

Nghiên cứu xây dựng một chế độ lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh đảm bảo giữ được người tài và thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao. Từ ngày 1/7/2017, Công ty tiến hành trả lương theo Quy chế tiền lương mới theo quyết định số 14/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị ban hành ngày 1/7/2017, việc trả lương theo Quy chế mới đã góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc, khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất, tích cực sáng tạo trong sản xuất, gắn bó lâu dài với Công ty; thực hiện phân phối làm theo năng lực, hưởng theo hiệu quả công việc đã tạo ra sự công bằng giữa các tập thể, cá nhân. Việc điều chỉnh lương được xem xét định kỳ hàng năm và theo từng trường hợp cụ thể căn cứ theo năng lực làm việc, thành tích đóng góp của CBNV và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Chính sách thưởng :**

Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động khi người có những đóng góp lớn, hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chấp hành tốt nội quy của công ty. Tiền thưởng chi cho người lao động được thực hiện từ các nguồn sau:

- Thưởng từ quỹ tiền lương cho người lao động có những đóng góp tích cực, hiệu quả cho từng cơ sở.

- Thưởng từ quỹ khen thưởng cho những cán bộ công nhân viên có những thành tích trong công tác, lao động do các cấp xét vào dịp kết thúc năm, hoặc có những sáng kiến, thành tích đột xuất được ghi nhận.

- Đối với lãnh đạo công ty: Gồm các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty.... khi có những đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, sản xuất kinh doanh có hiệu quả sẽ được HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trích quỹ thưởng cho HĐQT, ban điều hành vào kỳ đại hội cổ đông thường niên hằng năm.

❖ **Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:**

- Ngoài chính sách lương, thưởng người lao động trong công ty còn được công ty hỗ trợ kinh phí đào tạo trong nước và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, năng lực quản lý...

- Công ty còn có quy định hỗ trợ chi phí sử dụng điện thoại phục vụ công tác cho một số đối tượng gồm HĐQT, Ban Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát, trưởng phó các đơn vị... hàng tháng.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

| Stt | Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | Tăng/ giảm năm 2017 so với năm 2016 | |
|-----|-----------------------------------|-----------------|-------------------|-------------------------------------|--------|
| | | | | tuyệt đối | % |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 699.673.920.116 | 1.585.335.544.445 | 885.661.624.329 | 226,58 |
| 2 | Doanh thu thuần | 423.358.181.404 | 1.329.767.719.120 | 906.409.537.716 | 314,10 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 64.943.235.671 | 71.954.930.892 | 7.011.695.221 | 110,80 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 5.901.429.646 | 16.564.785.572 | 10.663.355.926 | 280,69 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 70.844.665.317 | 88.519.716.464 | 17.675.051.147 | 124,95 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 56.453.116.508 | 71.083.487.052 | 14.630.370.544 | 125,92 |

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | Ghi chú |
|----------|---|----------|----------|---------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| 1.1 | Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn) | 1,38 | 1,11 | |
| 1.2 | Hệ số thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn] | 1,05 | 1,07 | |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| 2.1 | Hệ số Nợ/ Tổng tài sản | 0,21 | 0,63 | |
| 2.2 | Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | 0,26 | 1,73 | |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| 3.1 | Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | 0,61 | 0,84 | |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| 4.1 | Hệ số lợi nhuận sau thuế/ | | | |

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | Ghi chú |
|-----|---|----------|----------|---------|
| | Doanh thu thuần | 0,13 | 0,05 | |
| 4.2 | Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | 0,10 | 0,12 | |
| 4.3 | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,08 | 0,04 | |
| 4.4 | Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Tổng tài sản | 0,09 | 0,05 | |

5. Cơ cấu cổ đông, những thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Cổ phiếu phổ thông: 50.049.936 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 88.290 cổ phiếu
- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 49.961.646 cổ phiếu

5.2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 31/12/2017

| STT | Tên cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần nắm giữ (CP) | Tỷ lệ |
|------------|------------------------------|---------------------|-------------------------------|---------------|
| I | CỔ ĐÔNG LỚN | 1 | 49.212.432 | 98,33% |
| 1 | Công ty cổ phần Tập đoàn T&T | | 49.212.432 | 98,33% |
| II | CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC | 2 | 79.690 | 0,16% |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| | - Trong nước: | 2 | 79.690 | 0,16% |
| | - Ngoài nước | 0 | 0 | 0% |
| III | CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN | 440 | 757.814 | 1,51% |
| | -Trong nước | 440 | 757.814 | 1,51% |
| | - Ngoài nước | 0 | 0 | 0% |
| | TỔNG CỘNG | 443 | 50.049.936 | 100% |

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

5.5. Các chứng khoán khác

Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

1.1. Chỉ tiêu SXKD

- Tổng sản lượng hàng hóa thông qua năm 2017 đạt 7,28 triệu tấn, giảm 29.877 tấn (0,4%) so với năm 2016, tăng 39.401 tấn (0,54%) so với kế hoạch đề ra.

- Tổng sản lượng hàng hóa xếp dỡ năm 2017 đạt 7,27 triệu tấn, giảm 58.639 tấn (0,8%) so với cùng kỳ năm 2016, giảm 8.831 tấn (0,12%) so với kế hoạch đề ra.

- Doanh thu khai thác cảng năm 2017 đạt 385,16 tỷ đồng, giảm 30,33 tỷ đồng (7,29%) so với năm 2016, tăng 2,16 tỷ đồng (0,56%) kế hoạch đề ra. Nguyên nhân: Sản lượng hàng hóa qua Cảng giảm mạnh; Sự sụt giảm doanh thu so với cùng kỳ do cơ cấu mặt hàng thay đổi, mặt hàng có đơn giá cao như TĂCN, sắt thép, xi măng giảm mạnh, trong khi đó hàng dăm gỗ tăng mạnh nhưng đơn giá dăm gỗ rất thấp.

- Việc kinh doanh mua bán nông sản bắt đầu từ quý IV/2017 so với cùng kỳ 2016 chưa phát sinh kinh doanh nông sản. Trong năm 2017, 3 phương án kinh doanh đã thực hiện, ghi nhận lỗ vào KQKD năm 2017 số tiền 148.375.414 đồng do chênh lệch doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính 1.624.586 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp 150.000.000 đồng.

Sản lượng hàng nông sản kinh doanh năm 2017 đạt 184.425,89 tấn. Doanh thu đạt được: 898.411.516.418 đồng

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2017 so với năm 2016 tăng 17,68 tỷ đồng (24,96%) do tỷ lệ giá vốn, chi phí tài chính và chi phí QLDN trong cơ cấu tổng doanh thu của năm 2017 thấp hơn so với cùng kỳ: Giá vốn thấp hơn 2,14%; chi phí tài chính thấp hơn 30,61%; Chi phí QLDN thấp hơn 17,61%.

1.2. Chỉ tiêu tài chính

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2017 là 1.585,3 tỷ đồng, tăng 885,66 tỷ đồng (126,58%) so với năm 2016.

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 là 579,71 tỷ đồng, tăng 25,25 tỷ đồng (4,55%) so năm 2016, chủ yếu là do tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2017 là 1.005,62 tỷ đồng, bằng 692,5 lần so với năm 2016. Các khoản phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2017 là 933,60 tỷ đồng (tại thời điểm 31/12/2016 là 56,17 tỷ đồng), chủ yếu là do phát sinh vốn góp, đặt cọc, và các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty cổ phần Tập đoàn T&T.

1.3. Thu nhập bình quân người lao động đạt 10,466 triệu đồng/ người/ tháng, tăng 2,3% so với năm 2016.

1.4. Các hạng mục đầu tư, XD/CB phục vụ sản xuất

⚡ Về cơ sở hạ tầng

| TT | Tên dự án/hạng mục đầu tư | Giá trị (đồng) | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----|--|----------------|---------------------|------------------------------|
| 1 | Các hạng mục sửa chữa, duy tu thường xuyên theo yêu cầu phục vụ SXKD | 4.409.943.046 | Năm 2017 | Đã hoàn thành trong năm 2017 |
| 2 | Dự án nạo vét khu nước | 165.106.844 | Năm 2017 | Tổng chi phí thực hiện dự |

| TT | Tên dự án/hạng mục đầu tư | Giá trị (đồng) | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-------------------------------|--|----------------|---------------------|---|
| | trước bến 1, 5, 6, 7 và bến Tạm | | | án là 5.999.229.000 đồng, đã thực hiện chi vào năm 2017: 165.106.844 đồng. Dự kiến thời gian hoàn thành của dự án trong quý 2 năm 2018. |
| 3 | Thực hiện gói tư vấn khảo sát, lập quy hoạch, lập dự án đầu tư cải tạo nâng cấp nối dài bến số 1 | 642.071.635 | Năm 2017 | Tổng giá trị gói tư vấn: 1.431.726.069, giá trị còn lại của gói tư vấn dự kiến sẽ thực hiện trong quý 1 năm 2018 |
| Tổng giá trị thực hiện | | 5.217.121.525 | | |

⚡ Về đầu tư mua sắm thiết bị

| TT | Tên thiết bị, CCDC | Số lượng | Giá trị (đồng) |
|------------------|---|----------|----------------------|
| 1 | Đầu tư ngoại hoa thị làm hàng sắt vụn 5m ³ , hãng MRS- Germany | 01 chiếc | 2.463.973.171 |
| 2 | Đầu tư ngoại 2 má điều khiển từ xa, 25m ³ làm hàng nông sản | 02 chiếc | 4.753.641.750 |
| 3 | Mua máy ép ống thủy lực | 01 chiếc | 274.560.000 |
| Tổng cộng | | | 7.492.174.921 |

2. Đánh giá

2.1. Đánh giá hoạt động kinh doanh

2.1.1. Đạt được

- Sản lượng hàng hóa xếp dỡ giảm 0,8% so với cùng kỳ, giảm 0,12% so với kế hoạch đề ra. Doanh thu kinh doanh cảng biển giảm 7,29% (30,33 tỷ đồng) so với năm 2016. Tuy sản lượng và doanh thu sụt giảm nhưng bằng sự quyết tâm, nỗ lực của ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Cảng Quảng Ninh trong việc quản lý, tiết giảm chi phí, lợi nhuận trước thuế năm 2017 so với năm 2016 tăng 17,68 tỷ đồng (24,96%).

- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, tạo uy tín cho khách hàng hợp tác kinh doanh với Cảng. Xây dựng các phương án tối ưu cho việc xếp dỡ hàng hóa có lợi cho khách hàng và đảm bảo doanh thu cho Cảng.

- Ngoài các mặt hàng truyền thống như: TĂCN (thức ăn chăn nuôi), dăm gỗ, sắt thép phế liệu, ...khối kinh doanh đã chủ động tập trung và đẩy mạnh hoạt động marketing, tiếp thị thêm các mặt hàng mới và khách hàng mới về cảng, mở rộng thêm các dịch vụ hậu cần sau cảng, dịch vụ logistics... Phát triển dịch vụ hàng hóa như khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa và làm các thủ tục khác đối với hàng TĂCN cho một số chủ hàng.

- Đã làm việc và tạo mối gắn kết lâu dài với chủ hàng dăm gỗ 12-11, Vijachip, Thái Hưng (từ tháng 10/2017) tàu đến sẽ đưa qua cảng khai thác trừ khi cảng không bố trí cầu bến mới sang CICT.

- Đối với mặt hàng TĂCN: Thực hiện chiến lược ký hợp đồng cho thuê kho và thưởng phạt tàu với các Shipper để gắn kết, ràng buộc khách hàng sử dụng dịch vụ của cảng trước sự cạnh tranh rất mạnh mẽ từ CICT.

+ Ngoài khách hàng Bunge ký dài hạn, tiếp tục ký hợp đồng thưởng phạt giải phóng tàu TĂCN với các Shipper: CJ, Cargill, Sojitz, Enerfo, Peter Cremer (từ tháng 10/2017). Đối với Shipper Enerfo mặc dù không thực hiện ký hợp đồng thuê kho nhưng đã thực hiện ký theo từng chuyến, tổng 5 chuyến tàu vào cảng khai thác.

+ Đàm phán ký hợp đồng cho các Shipper thuê kho nâng tổng số 6 kho = 33.137m², dung tích chứa khoảng 96.000 tấn. Trong 6 kho cho thuê cảng chỉ có 2 = 9.000m², dung tích chứa hàng 24.000 tấn, còn lại 4 kho = 24.137m², dung tích chứa 72.000 tấn là phải đi thuê ngoài.

+ Duy trì cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng TĂCN đối với một số khách hàng lớn như công ty CP tập đoàn Tân Long và các công ty con, công ty liên kết của Tân Long; công ty Trung Thành, Hà Anh, Xuân Trường Hai, các nhà máy Vimaflour, VFM, Dabaco VN, Proconco, Việt Pháp,...

- Xây dựng chính sách kinh doanh tổng thể, áp dụng có hiệu quả với các đối tượng khách hàng. Đối với các trường hợp phát sinh ngoài chính sách đã linh hoạt vận dụng theo từng thời điểm để thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ của cảng.

- Các quy trình, quy định liên quan lĩnh vực kinh doanh đã được xây dựng xong và ban hành trong quý IV năm 2017.

- Đã tổ chức thành công hội nghị khách hàng dăm gỗ, sau khi có nhân viên marketing chuyên trách vào quý IV/2017.

- Nợ xấu đã được thu hồi tích cực, chiếm 27% trong cơ cấu dư nợ (giảm 16% so với thời điểm 31/12/2016), nhiều khoản nợ rất khó thu hồi đã có giải pháp tích cực để giải quyết triệt để.

- Vụ kiện tranh chấp kinh tế đối với 3 công ty: Thành Anh, Phúc Quang Hồng Anh, Ngôi Sao Hạ Long đang thực hiện sát sao theo chỉ đạo của BÐH, HĐQT.

2.1.2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác phân tích thông tin thị trường và chăm sóc khách hàng còn chưa bám sát, kịp thời, thường xuyên.

- Tình trạng hoạt động cầu nổi thiếu ổn định, chưa đáp ứng cũng như thỏa mãn nhu cầu khách hàng vào thời điểm có 2 tàu cùng đến một thời điểm.

- Việc tiếp cận để tham gia dịch vụ đối với những tàu 1 chủ xếp dỡ ngoài vùng neo rất khó khăn do giá thành của các đơn vị xếp dỡ ngoài neo bằng cầu tàu rất thấp (bằng 1/3 giá của cảng).

- Chưa đẩy mạnh và khai thác hết các dịch vụ là thế mạnh và tiềm năng của Cảng như: dịch vụ đại lý hàng hải và cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics đường bộ, đường thủy.

- Chưa đi sâu vào tìm hiểu, phân tích, đánh giá thị trường của các doanh nghiệp trong tỉnh có hàng hóa xuất nhập khẩu, nhất là các doanh nghiệp tại khu vực cửa khẩu Móng Cái,

Bắc Song Sinh để khai thác thể mạnh hàng tạm nhập tái xuất qua cảng Cái Lân thay vì về cảng Hải Phòng hiện nay.

- Chưa đi thực tế tìm hiểu và nắm bắt thông tin về những mặt hàng chủ lực mà các cảng khu vực Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng đang khai thác.
- Trang website của Công ty triển khai còn chậm, ảnh hưởng đến công tác PR của của Công ty.
- Tổ chức hội nghị theo nhóm khách hàng chưa được triển khai thường xuyên.
- Việc tính giá thành các tác nghiệp chưa kịp thời dẫn đến việc xây dựng các phương án kinh doanh không xác định được hiệu quả cuối cùng dẫn đến giảm năng lực cạnh tranh.
- Trình độ ngoại ngữ còn yếu do chưa tổ chức được lớp học tiếng anh.
- Tiến độ thanh toán sau khi kết thúc dịch vụ vẫn còn chậm và kéo dài thời gian, đặc biệt là hàng TĂCN chiếm tỷ lệ lớn cũng phải mất 8 ngày mới phát hành được hóa đơn kể từ khi kết thúc dịch vụ.
- Trang thiết bị xếp dỡ đã cũ và lạc hậu dẫn đến việc đàm phán, tiếp thị lôi kéo khách hàng về cảng rất khó khăn, luôn bị yếu thế so với cảng CICT và các cảng khu vực Hải Phòng.

2.1.3. Phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan của tồn tại, hạn chế, yếu kém

- Cầu bến hạn chế, thiết bị thiếu, đầu tư mới bổ sung và thay đổi công nghệ trang thiết bị chậm.
- Thiếu cầu nổi làm hàng ngoài vùng neo.
- Phần mềm quản lý khai thác hàng rời chưa được xây dựng dẫn đến công tác triển khai làm hàng, thanh toán và thống kê phải qua nhiều khâu, nhiều bộ phận, nhiều thủ tục, mất nhiều thời gian.
- Công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh chưa sát với từng ngành hàng, diễn biến thị trường.
- Công tác huy động các thiết bị cầu nổi xếp dỡ ngoài vùng neo mặc dù đã ràng buộc hợp đồng nhưng chưa đáp ứng đầy đủ khi có tàu vào xếp dỡ do tính độc quyền, hơn nữa chính đơn vị cầu nổi đã ký hợp đồng trực tiếp với các khách hàng của cảng, đây cũng là mối nguy cơ mất khách hàng với cảng.
- Công tác tiếp xúc và quan hệ khách hàng chưa lập kế hoạch hành động cụ thể dẫn đến việc tiếp xúc khách hàng chỉ mang tính chất thời điểm, vẫn còn bị động trong giao tiếp.
- Không thường xuyên tiếp cận thị trường khu vực cảng Hải Phòng, các cảng Miền Nam do đó chưa hiểu sâu được nhu cầu, cơ cấu ngành hàng, đối tượng khách hàng, đối thủ cạnh tranh là ai, khả năng tiếp cận như thế nào dẫn đến bị động trong việc tham gia cung cấp dịch vụ của cảng.
- Chưa quyết liệt xây dựng trang website, profile, học ngoại ngữ và xây dựng phần mềm quản lý và thanh toán hàng rời.

2.2. Đánh giá hoạt động sản xuất

2.1.1. Đạt được

- Năng suất xếp dỡ các mặt hàng tăng đặc biệt các tàu TĂCN, dăm gỗ, xi măng.

- Tỷ lệ hao hụt tàu, kho giảm.
- Công tác điều hành có nhiều tiến bộ, việc lập và triển khai kế hoạch công khai, rõ ràng, sát với thực tế, có hiệu quả.
 - Công khai thông tin làm hàng, kịp thời, cụ thể, chính xác giúp các chủ hàng và Cảng chủ động trong việc bố trí cầu và giải phóng tàu.
 - Đã cơ bản hoàn thành các quy trình điều hành, xếp dỡ và bắt đầu áp dụng có hiệu quả trong việc thu hút khách hàng (Hàng dăm gỗ).
 - Công tác kiểm soát tạp chất và vệ sinh mặt hàng dăm gỗ đã được cải thiện nhiều so với năm trước; các quy trình, điều kiện kiểm soát hàng dăm gỗ xuất tàu đối với cảng cơ bản đã được nhà nhập khẩu đến từ Nhật Bản chấp nhận, do đó ngoài thu hút chủ hàng Vijachip còn thu hút thêm chủ hàng xuất khẩu dăm gỗ Thái Hưng chuyển từ cảng CICT sang cảng Quảng Ninh khai thác từ tháng 10 năm 2017.
 - Công tác an ninh trật tự, an toàn giao thông có nhiều chuyển biến tích cực, tình trạng trộm cắp và vi phạm giao thông trong cảng giảm.
 - Mối quan hệ với chủ hàng, chủ tàu và các bên liên quan trong sản xuất được tăng cường và cải thiện.

2.1.2. Tồn tại, hạn chế

- Tình trạng vi phạm quy trình, nội quy lao động vẫn còn xảy ra gây tai nạn lao động cho con người và hư hỏng máy móc thiết bị gây thiệt hại về kinh tế.
- Bố trí sản xuất còn lãng phí lao động, thiết bị.
- Quan hệ ngang giữa các bộ phận trong sản xuất còn chậm, yếu, vẫn còn tình trạng đùn đẩy né tránh.
- Khả năng giải quyết các tranh chấp hàng hải còn yếu do hạn chế về ngoại ngữ và chuyên ngành hàng hải.
- Công tác chăm sóc khách hàng, nhận phản hồi thông tin từ khách hàng chưa thường xuyên.

2.2.3. Phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan của tồn tại, hạn chế, yếu kém

- Tính chuyên nghiệp của từ lãnh đạo các xí nghiệp đến nhân viên còn thấp.
- Kinh nghiệm điều hành trực tiếp tại hiện trường còn ít.
- Khả năng ngoại ngữ yếu.
- Tác phong làm việc mệnh lệnh hành chính còn phổ biến.
- Nhận thức, tư duy về kinh tế thị trường và sự cạnh tranh còn hạn chế.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.1. Mục tiêu và định hướng chiến lược

3.1.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu kinh doanh :

- Đẩy mạnh hoạt động sales & marketing nhằm hoàn thành chỉ tiêu: Sản lượng hàng hóa tăng 4,26%; Doanh thu dịch vụ tăng 1,26%.

- Khai thác tối đa lợi thế cảng nước sâu và thế mạnh khai thác hàng TĂCN nhằm mục tiêu khai thác trên 70% sản lượng TĂCN khu vực miền Bắc.
- Thu hút toàn bộ các tàu dầm gỗ xuất khẩu đối với các Công ty xuất khẩu như Vijachip, Thái Hưng, Hào Hưng, 12-11.
- Thu hút 100% sản lượng hàng xi măng xuất khẩu tại khu vực cảng Cái Lân.
- Về Logistics:
 - + Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải, thông quan hàng hóa tăng trưởng trên 10% (sản lượng trên 75.000 tấn) so với năm 2017.
 - + Mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ vận chuyển bằng sà lan, ô tô vận chuyển từ cảng đến nhà máy. Vận tải sà lan tăng 8-10%. Cung cấp dịch vụ sà lan cho Tân Long chiếm 10%. Đây là tiền đề xây dựng và phát triển dịch vụ Logistics trong thời gian tới.
 - Đẩy mạnh hoạt động công tác chăm sóc khách hàng, tạo sự gắn kết sâu sắc giữa khách hàng và Công ty nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tạo niềm tin cho khách hàng khi hợp tác với Công ty. Giải quyết các kiến nghị, thắc mắc của khách hàng không quá 24h.
 - Kiểm soát chặt chẽ quy trình chứng từ thanh toán nhằm đảm bảo việc thanh toán của khách hàng luôn đúng hạn; kiểm soát công nợ, không để phát sinh nợ khó đòi.
 - Chuẩn hóa các hoạt động kinh doanh trên cơ sở các quy trình đã ban hành năm 2017: quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, quy trình tác nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm chi phí cho Công ty.

b) Mục tiêu trong sản xuất:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Tăng năng suất xếp dỡ bình quân các mặt hàng là 5%.
- Giảm tỉ lệ hao hụt hàng hóa TĂCN dưới mức 0,18% hiện nay.
- Hiệu suất sử dụng cầu bến đạt > 85%.
- Không phát sinh tàu bị phạt.
- Chuẩn hóa quy trình xếp dỡ các mặt hàng: tăng năng suất, giảm chi phí...
- Không để xảy ra tai nạn chết người.
- Máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động tốt > 80%.

c) Mục tiêu đầu tư:

- Dự án tách sô đồ bến 1: Hoàn thành trước ngày 30/6/2018.
- Dự án nâng cấp cho tàu 85.000 DWT cập cầu 5,6,7: Hoàn thành trước ngày 30/6/2018.
- Dự án nạo vét khu nước trước bến 1,5,6,7: Hoàn thành trước 30/4/2018.
- Dự án xây dựng bến 8, 9: Dự kiến xong thủ tục pháp lý trước 31/12/2018.

3.1.2. Định hướng chiến lược

a) Trong hoạt động kinh doanh

- Lấy ngành hàng TĂCN làm trọng tâm trong hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa các dịch vụ nhằm tăng doanh thu và hiệu quả của hoạt động kinh doanh.

- Định hướng là Cảng tổng hợp, ngoài mặt hàng TĂCN, đẩy mạnh khai thác thêm các ngành hàng truyền thống (sắt vụn, dăm gỗ,...) và các mặt hàng mới có tỉ suất lợi nhuận cao nhằm khai thác tối đa các vị trí cầu bến hiện nay.
 - Đẩy mạnh ký kết các hợp đồng thương phạt các mặt hàng nhằm tăng hiệu quả kinh doanh đồng thời là yếu tố tăng năng suất giải phóng tàu nhằm giảm ngày tàu chờ cầu, giảm chi phí giá thành.
 - Đẩy mạnh dịch vụ logistics nhằm khai thác tối đa lợi thế sẵn có của cảng, các công ty con của Tập đoàn và tăng giá trị gia tăng:
 - + Hoàn thiện các thủ tục đại lý viên, điều kiện khác về hoạt động đại lý tàu.
 - + Tập trung khai thác tàu của các shipper hoặc các khách hàng như Wilmar, Vimaflour, sắt xuất khẩu.
 - + Xây dựng đơn giá vận chuyển bằng sà lan từ Cảng đến các Cảng nội địa và tập trung chào và tham gia vận tải hàng hóa TĂCN cho tập đoàn Tân Long.
 - + Ngoài các kho đã cho các shipper thuê hiện nay, tiếp tục liên hệ kho QMC để chào shipper Enerfo, Peter Cremer và các shipper khác.
 - + Khai thác tối đa thông tin khách hàng mới và một số khách hàng thân thiết với Cảng như Wilmar, Cargill Việt Nam, Tập đoàn Mafavest.
 - + Thành lập công ty chuyên về Logistics.
 - Chú trọng phát triển mối quan hệ với các khách hàng chiến lược: Các nhà cung cấp, các hãng tàu, đại lý hàng hải...đẩy mạnh công tác marketing và chăm sóc khách hàng nhằm thu hút tàu cũng như mặt hàng mới về Cảng.
 - Xây dựng biểu cước dịch vụ Cảng theo quy chuẩn quốc tế, đảm bảo giá các dịch vụ có hiệu quả nhưng có tính cạnh tranh. Đồng thời, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng đối tượng khách hàng trên cơ sở đánh giá phân tích hệ thống khách hàng của Cảng trong 03 năm qua.
 - Tổ chức bộ máy kinh doanh chuyên nghiệp, chuẩn hóa các quy trình bán hàng, quy trình chăm sóc khách hàng, đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên kinh doanh đáp ứng yêu cầu trong các hoạt động bán hàng.
 - Lấy chỉ tiêu kinh doanh làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, đánh giá năng lực nhằm điều chỉnh kịp thời nhân sự kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.
- b) Trong hoạt động sản xuất
- Cơ cấu lại hoạt động sản xuất, rà soát đánh giá lại toàn bộ máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà kho, bãi...; sử dụng những máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà xưởng phù hợp với tình hình thực tế nhằm giảm khấu hao, giảm chi phí trong sản xuất.
 - Lập kế hoạch sản xuất phù hợp với năng lực cầu bến, thiết bị, con người nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tỉ lệ hao hụt, kiểm soát tốt định mức tiêu hao nhiên liệu, công cụ dụng cụ.

- Khai thác tối đa năng lực cầu bến, tránh để thời gian cầu trống, đồng thời liên kết với đối tác khai thác tại bến 2/3/4 và tổ chức sản xuất tại các điểm neo.

- Nâng cao vai trò trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ tại các đơn vị trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tác nghiệp. Gắn trách nhiệm của cá nhân, đơn vị với chất lượng sản phẩm xuất ra thị trường.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các quy trình, công đoạn sản xuất theo quy định đã ban hành.

- Xây dựng lại định mức năng suất lao động, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, CCDC phù hợp với thực tế sản xuất và chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Tập trung đầu tư vào trang thiết bị còn thiếu, năng suất thấp, hoặc đã cũ của tuyến tiền phương, hậu phương nhằm đạt mục tiêu sản xuất đã đề ra.

- Khai thác tối đa hệ thống nhà kho, hệ thống bãi, đồng thời đưa dự án 6,2ha vào kế hoạch khai thác trong năm 2018.

c) *Trong quản lý điều hành.*

- Định kỳ đánh giá năng lực nhân sự để bố trí nhân sự các phòng ban phù hợp với năng lực chuyên môn nhằm tăng hiệu quả, tiết giảm chi phí quản lý cho Công ty.

- Rà soát toàn bộ các chi phí trong hoạt động hàng ngày, cắt giảm và loại bỏ những chi phí không cần thiết, đồng thời đưa chủ trương trong toàn công ty giảm chi phí tối đa trong tất cả các hoạt động: văn phòng phẩm, điện nước, giao tế... nhằm giảm chi phí hoạt động cho Công ty.

- Cơ chế giao việc gắn với trách nhiệm của nhân sự, có khối lượng, đầu việc và thời gian cụ thể. Đánh giá hiệu quả làm việc trên cơ sở kết quả cụ thể và mức độ hoàn thành.

- Các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày phải chuẩn hóa theo các quy trình quy chế, tạo sự thống nhất trong quản lý điều hành. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc đối với các phòng ban chưa được ban hành.

- Xây dựng cơ chế lương, thưởng phù hợp đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động không thấp hơn mức thu nhập hàng năm.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát. đánh giá nhằm nâng cao ý thức của người lao động.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng kiến: tạo sự gắn bó, đoàn kết & nâng cao năng suất lao động trong toàn công ty.

- Tổ chức định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm họp giao ban đánh giá kết quả công việc từng phòng ban đơn vị, nhằm kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để chỉ đạo giải quyết.

3.2. Các chỉ tiêu hoạt động SXKD

3.2.1. Cơ sở xây dựng chỉ tiêu kế hoạch

- Căn cứ vào mục tiêu ưu tiên của CQN về chiến lược phát triển mặt hàng, ngành hàng;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017;
- Căn cứ vào môi trường kinh doanh năm 2018 (Vĩ mô và địa phương ...Dự báo);
- Căn cứ vào tình hình và dự báo về khách hàng, thị trường và ngành hàng Cảng đang thực hiện;
- Căn cứ vào năng lực và khả năng của Cảng.

3.2.2. Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2018

| TT | Chỉ tiêu năm 2018 | ĐVT | TH 2017 | KH 2018 | Tăng trưởng | |
|------------|--------------------------------------|----------------|------------|-----------|-------------|---------------|
| | | | | | Tuyệt đối | Tương đối (%) |
| I | Chỉ tiêu hoạt động SXKD | | | | | |
| 1 | Chỉ tiêu kinh doanh Cảng biển | | | | | |
| 1.1 | Sản lượng thông qua | Tấn | 7.289.401 | 7.600.000 | 310.599 | 4,26 |
| 1.2 | Sản lượng xếp dỡ | Tấn | 7276.169 | 7.680.000 | 403.831 | 5,55 |
| 1.3 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 385,16 | 390,0 | 4,84 | 1,26 |
| 1.4 | Lợi nhuận trước thuế tạm tính | Tỷ đồng | 88,66 | 80,11 | -8,55 | -9,64 |
| 2 | Chỉ tiêu kinh doanh nông sản | | | | | |
| 2.1 | Sản lượng | Tấn | 184.425,39 | 800.000 | 615.574,61 | 333,78 |
| 2.2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 898,41 | 4.000 | 3.101,59 | 345,23 |
| II | Chỉ tiêu tài chính | | | | | |
| 1 | Tổng tài sản | Tỷ đồng | 1.585,8 | 1.585,8 | 0 | 0,00 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | 601,6 | 601,6 | 0 | 0,00 |
| III | Chỉ tiêu lao động | | | | | |
| 1 | Số lượng lao động (bình quân) | Người | 792 | 785 | -7 | -0,88 |
| 2 | Thu nhập bình quân | Tr.đ/ người | 10,466 | 10,666 | 0,2 | 1,91 |

3.2.3. Kế hoạch đầu tư

➤ *Đầu tư xây dựng cơ bản*

| TT | Tên dự án/Hạng mục đầu tư | Tổng kinh phí (đồng) | Đã thực hiện đến năm 2017 | Giá trị đầu tư dự kiến 2018 | | Ghi chú |
|----|---|-----------------------|---------------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------|
| | | | | Vốn của Cảng | Vốn khác | |
| 1 | Hạng mục sửa chữa bảo dưỡng định kỳ | 956.499.233 | - | 956.499.233 | - | Gồm 8 hạng mục |
| 2 | Hạng mục nâng cấp sửa chữa nhỏ (≤ 100 tr.đ) | 110.000.000 | | 110.000.000 | | Gồm 2 hạng mục |
| 3 | Hạng mục nâng cấp sửa chữa lớn (> 100 tr.đ) | 9.459.409.830 | 165.106.844 | 9.459.409.830 | 12.800.000.000 | Gồm 13 hạng mục |
| 4 | Dự án làm mới nhà để xe ô tô cho khách hàng và CBCNV Cảng | 180.000.000 | | 180.000.000 | | Gồm 1 hạng mục |
| 5 | Dự án đầu tư lắp đặt hệ thống camera giám sát toàn Cảng, hệ thống thiết bị giám sát cầu cân và công ra/vào. | 2.400.000.000 | | 2.400.000.000 | | Gồm 1 hạng mục |
| 6 | Dự án cải tạo nâng cấp Bến I, bến tạm | 3.331.726.069 | 642.071.635 | 2.689.654.434 | - | Gồm 4 hạng mục |
| 7 | Dự án xây dựng bến số 8&9 | 10.325.000.000 | 325.000.000 | 10.000.000.000 | - | Gồm 1 hạng mục |
| 8 | Dự án xây kho chứa hàng (Vị trí tại bến số 5 hoặc bến số 1) | 47.394.000.000 | - | 47.394.000.000 | - | Gồm 3 hạng mục |
| | Tổng | 74.156.635.132 | 1.132.178.479 | 73.024.456.653 | 12.800.000.000 | Gồm 33 hạng mục |

➤ *Kế hoạch sửa chữa, đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ 2018*

| TT | Tên dự án/Hạng mục đầu tư | Tổng kinh phí (đồng) | Giá trị đầu tư dự kiến 2018 | | Ghi chú |
|----|---|-----------------------|-----------------------------|----------|------------------------|
| | | | Vốn của Cảng | Vốn khác | |
| 1 | Kế hoạch sửa chữa lớn | 4.751.000.000 | 4.751.000.000 | - | Gồm 21 hạng mục |
| 2 | Kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 | - | Gồm 33 hạng mục |
| 3 | Kế hoạch bảo trì | 700.000.000 | 700.000.000 | - | Gồm 2 hạng mục |
| 4 | Kế hoạch đầu tư các dự án | 10.575.000.000 | 10.575.000.000 | - | Gồm 5 hạng mục |
| | Tổng | 20.526.000.000 | 20.526.000.000 | - | Gồm 61 hạng mục |

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2017 Cảng Quảng Ninh gặp tương đối nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế chính trị trên thế giới cũng như trong khu vực. Những chính sách không rõ ràng của Tổng thống Trump cùng các biến động chính trị tại Anh, Pháp, Đức đem tới những biến đổi khó lường về kinh tế, xã hội. Chính sách thuế biên giới của Mỹ gây bất lợi cho xuất khẩu Việt Nam. Những khó khăn về thời tiết, môi trường biển tại miền Trung ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình sản xuất nông nghiệp của cả nước. Cùng những khó khăn đối với ngành chăn nuôi khi thị trường Trung Quốc ngừng nhập khẩu thịt heo trong quý II/2017 đã dẫn đến sự sụt giảm sản lượng trong mặt hàng thức ăn chăn nuôi. Hạ tầng giao thông kết nối Cảng với các khu kinh tế, khu công nghiệp khác chưa được cải thiện; hệ thống cầu cảng luôn trong trạng thái tắc nghẽn; Cảng CICT đã được Bộ GTVT cho phép thay đổi từ cảng container sang xếp dỡ hàng rời, hàng bách hóa đã khiến cho Cảng Quảng Ninh bị chia sẻ thị trường dẫn đến cạnh tranh ngày càng lớn. Do có thêm nhiều đơn vị tư nhân tham gia bốc xếp ngoài vùng neo nên cạnh tranh tại khu vực này cũng tương đối lớn. Đối với một số cảng khác trong nước, như cảng Hải Phòng, hệ thống hạ tầng giao thông đến nay khá hoàn chỉnh, các tuyến đường kết nối các tỉnh, thành phố đều hoàn thành nâng cấp, mở rộng và đầu tư mới, hạ tầng logistics ngày một nâng cao nên năng lực cạnh tranh cao hơn.

Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã thực hiện tốt công tác đổi mới, sắp xếp lại sản xuất, lao động, quản trị tốt chi phí, mặc dù Doanh thu khai thác cảng năm 2017 giảm 30 tỷ

so với năm 2016 nhưng vẫn đảm bảo được thu nhập của người lao động theo đúng kế hoạch đề ra, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận tăng 17,68 tỷ đồng so với năm 2016. Công tác đầu tư đã được chú trọng, việc đầu tư trang thiết bị phục vụ xếp dỡ kịp thời đã góp phần mang lại hiệu quả tốt trong công tác khai thác tàu, tăng năng suất giải phóng tàu, giảm thiểu tình trạng ứ tắc phương tiện vận chuyển.

Công tác thu hồi công nợ được quan tâm, đẩy mạnh kiểm soát và đạt được kết quả hết sức khả quan, vòng quay phải thu tăng nhanh, thời gian thu tiền được rút ngắn đáng kể, số nợ quá hạn giảm, cơ cấu tuổi nợ hợp lý hơn.

Bước đầu đã hoàn thành điều chỉnh sơ đồ và cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, chuẩn hóa chức năng, nhiệm vụ từng phòng ban, đơn vị, và đang tiến hành định biên nhân sự cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Việc thực hiện đề án tái cấu trúc tổ chức bộ máy và cải tạo nguồn nhân lực được kỳ vọng sẽ nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động quản lý và điều hành, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, chuyên môn hóa và tối ưu hóa chức năng của các phòng ban, sắp xếp nhân sự hợp lý, phát hiện và đào tạo nguồn nhân lực.

Việc áp dụng quy chế lương mới và hoàn thành xây dựng quy chế và tiêu chí đánh giá, bình bầu thi đua nhằm khuyến khích và phát động phong trào thi đua SXKD và nâng cao hiệu quả làm việc trong Công ty

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.

Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, ban hành các văn bản, tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ BDH và các quản lý cấp trung.

Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh khai thác cảng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo BDH hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty.
- Chỉ đạo BDH tập trung đầu tư trang thiết bị phục vụ làm hàng để nâng cao năng lực xếp dỡ, làm hàng của Cảng.
- Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: tiếp tục hoàn thành các thủ tục xin phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, triển khai xây dựng dự án đã được phê duyệt chủ trương.
- Hoàn thành công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và sắp xếp, cải tạo nguồn nhân lực Công ty, tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực mới.
- Xây dựng đồng bộ và chuẩn hóa hệ thống quy chế, quy trình nhằm nâng cao hiệu quả, rút ngắn thời gian và tiết giảm chi phí cho Công ty. Xây dựng và áp dụng hệ thống phần mềm

quản lý (phần mềm quản lý kho, phần mềm quản lý hàng rời, phần mềm kết nối với hải quan, phần mềm quản lý văn phòng...).

- Hội đồng quản trị tiếp tục theo sát diễn biến của nền kinh tế trong nước và thế giới, chủ động phân tích, nắm bắt tình hình để có những nhận định đúng đắn từ đó kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp nhằm chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ tốt nhất.

V. QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông; có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Hiện tại, Cảng Quảng Ninh đang khuyết 1 vị trí thành viên HĐQT, sẽ tiến hành bầu bổ sung vào kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

| | |
|---------------------|-----------------|
| Ông Đỗ Ngọc Khanh | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Phạm Công Đoàn | Thành viên HĐQT |
| Ông Bùi Quang Đạo | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Văn Mạnh | Thành viên HĐQT |

Hội đồng quản trị theo phạm vi quyền và trách nhiệm quy định tại Điều lệ công ty đã họp định kỳ và bất thường hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả đạt được trong quý, xử lý tồn tại và đưa ra định hướng hoạt động trong quý tiếp theo. Hội đồng quản trị thường xuyên bám sát hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết sách phù hợp và kịp thời.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, trong đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn về kế toán tài chính. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông Công ty. Hiện tại, Ban kiểm soát đang thiếu 01 thành viên, sẽ bầu trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

| | |
|----------------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Trưởng Ban kiểm soát |
| Ông Đỗ Quang Hưng | Thành viên Ban kiểm soát |

Trong năm 2017, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (BTGD) năm 2017 cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BTGD trong năm 2017;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BTGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 đối với HĐQT và BTGD;
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

| Tt | Chức danh | Số lượng | Số tháng | Mức thù lao/tháng (VNĐ) | Tổng số tiền thù lao năm 2017 (VNĐ) |
|----------------|-----------------|----------|----------|-------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 01 | 12 | 20.000.000 | 240.000.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 04 | 09 | 15.000.000 | 540.000.000 |
| | | 03 | 03 | 15.000.000 | 135.000.000 |
| 3 | Trưởng BKS | 01 | 12 | 15.000.000 | 180.000.000 |
| 4 | Thành viên BKS | 02 | 12 | 9.000.000 | 216.000.000 |
| Tổng số | | | | | 1.311.000.000 |

- Thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017:

| TT | Nội dung | Tỷ lệ | Số tiền |
|----|--|-------|----------------|
| 1 | LNST năm 2016 theo BCTC đã được kiểm toán | | 57.119.269.723 |
| | Phương án phân phối lợi nhuận: | | |
| 2 | Chi cổ tức (8,5%*Vốn điều lệ): | | 42.542.445.600 |
| 3 | Lợi nhuận để lại trích các quỹ (1-2) | | 14.576.824.123 |
| | 3a. Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát, Thư ký | | 752.526.033 |
| | 3b. Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng | | 2.540.459.298 |
| 4 | Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối vào các quỹ [3-(3a+3b)] | | 11.283.838.792 |

Tổng hợp lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng/phụ trách kế toán/ trưởng phòng TCKT

Đơn vị tính: Đồng

| T | T | Họ và tên | Chức danh | Tiền lương | Tiền thưởng ngày lễ, tết | Tiền thưởng BĐH năm 2017 QĐ 242/QĐ-CQN ngày 19/7/2017 | Tổng cộng | Bình quân |
|------------------|-------------------|----------------------|---------------|-------------|--------------------------|---|------------|-----------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 = 4 + 5 + 6 | 8 = 7/t | |
| 1 | Bùi Quang Đạo | TGD | 962.382.648 | 17.500.000 | 94.850.268 | 1.084.732.916 | 90.394.409 | |
| 2 | Hoàng Trọng Tùng | P.TGD | 677.809.136 | 17.500.000 | 75.880.214 | 771.189.350 | 64.265.779 | |
| 3 | Đình Anh Tuấn | P.TGD | 641.275.271 | 17.500.000 | 75.880.214 | 744.655.485 | 62.054.624 | |
| 4 | Quách Đình Phú | P.TGD | 643.090.947 | 17.500.000 | 75.880.214 | 736.471.161 | 61.372.597 | |
| 5 | Nguyễn Quốc Hưng | P.TGD | 151.769.522 | 2.000.000 | 37.940.107 | 191.709.629 | 47.927.407 | |
| 6 | Lê Trung Dũng | KTT | 80.875.708 | 0 | 37.940.107 | 118.815.815 | 47.526.326 | |
| 7 | Phạm Quang Trường | Phụ trách kế toán | 107.210.475 | 2.000.000 | | 109.210.475 | 24.268.994 | |
| 8 | Phạm Thị Hoa | Phụ trách phòng TCKT | 39.480.729 | | | 39.480.729 | 26.320.486 | |
| 9 | Nguyễn Tư Thịnh | Trưởng phòng TCKT | 111.063.004 | 6.000.000 | | 125.063.004 | 31.265.751 | |
| Tổng cộng | | | 2.786.652.992 | 111.000.000 | 211.954.278 | 3.109.607.270 | | |

Ghi chú: - t: số tháng làm việc tại Công ty

4. Các giao dịch của cổ đông nội bộ: Không có
5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong thời gian từ tháng 8/2014 đến nay, Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh đã trải qua nhiều biến động về mô hình và chủ sở hữu, do đó hiện Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật về quản trị công ty

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY

1. Ý kiến của kiểm toán độc lập

Chi tiết theo Báo cáo tài chính đính kèm

2. Báo cáo tài chính kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính:

<http://www.quangninhport.com.vn>

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI QUANG ĐẠO

The image shows a red circular official stamp of the company. The stamp contains the text: 'M.S.D.N: 5700120000', 'CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH', and 'TP. HÀ LONG - T. QUẢNG NINH'. A handwritten signature in black ink is written over the stamp. Below the stamp, the name 'BÙI QUANG ĐẠO' is printed in bold black capital letters.